

Số: 01/2025/QĐST-DS

Son La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Bà Trần Thị T, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

+ Ông Trần Văn S, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/11/2025).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Cụ Trần Văn B và cụ Đỗ Thị N có 03 người con đẻ là ông Trần Văn S, bà Trần Thị T và ông Trần Văn T.

Di sản thừa kế do cụ Trần Văn B và cụ Đỗ Thị N để lại bao gồm: Diện tích đất 3.453,8m² (thửa đất số 25, tờ bản đồ địa chính số 37); trong đó: Có 250m² đất thổ cư (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: K184187, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556 QSDĐ/Số 1388/QĐ-UB do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 28 tháng 7 năm 1998, mang tên Đỗ Thị N) và 3.203,8m² đất vườn không giao. Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 60m²; 01 bếp xây diện tích 34,5m². Địa chỉ nhà, đất tại: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Đỗ Thị T (có chiều dài từ điểm 2 đến điểm C5 là 4,85m, từ điểm C5 đến điểm 1 là 10,15m, từ điểm 1 đến điểm A2 là 12,14m) và giáp đường xóm (từ điểm A2 đến điểm A1 là 2,48m).

- Phía Đông giáp đất ông Quách Minh N (có chiều dài từ điểm 2 đến điểm 3 là 7,21m, từ điểm 3 đến điểm A3 là 2,44m, từ điểm A3 đến điểm A4 là 4,89m, từ điểm A4 đến điểm A5 là 3,1m, từ điểm A5 đến điểm A6 là 3,41m, từ điểm A6 đến điểm A7 là 4,41m, từ điểm A7 đến điểm A8 là 5,91m, từ điểm A8 đến điểm A9 là 6,35m, từ điểm A9 đến điểm A10 là 6,09m) và giáp đất ông Nguyễn Văn Q (có chiều dài từ điểm A10 đến điểm A11 là 3,82m, từ điểm A11 đến điểm A12 là 5,82m, từ điểm A12 đến điểm A13 là 4,23m, từ điểm A13 đến điểm A14 là 5,66m, từ điểm A14 đến điểm A15 là 2,32m, từ điểm A15 đến điểm A16 là 8,12m, từ điểm A16 đến điểm A17 là 6,01m, từ điểm A17 đến điểm A18 là 7,01m, từ điểm A18 đến điểm A19 là 5,62m).

- Phía Nam giáp ranh giới giải phóng mặt bằng đường trục chính đô thị - nội thị M (có chiều dài từ điểm A19 đến điểm A20 là 2,69m, từ điểm A20 đến điểm A21 là 15,79m, từ điểm A21 đến điểm C1 là 5,36m, từ điểm C1 đến điểm A22 là 20,25m).

- Phía Tây giáp đất anh Ngân Văn Q (có chiều dài từ điểm A22 đến A23 là 3,97m, từ điểm A23 đến điểm A24 là 17,4m, từ điểm A24 đến điểm A25 là 3,15m, từ điểm A25 đến điểm A26 là 15,01m) và giáp đường xóm (có chiều dài từ điểm A26 đến A27 là 4,22m, từ điểm A27 đến điểm A28 là 6,85m, từ điểm A28 đến điểm A29 là 6,88m, từ điểm A29 đến điểm A30 là 6,83m, từ điểm A30 đến A31 là 2,21m, từ điểm A31 đến A32 là 2,78m, từ điểm A32 đến A33 là 2,82m, từ điểm

A33 đến A34 là 4,42m, từ điểm A34 đến A35 là 4,33m, từ điểm A35 đến A36 là 1,74m, từ điểm A36 đến A37 là 4,54m, từ điểm A37 đến A38 là 2,1m, từ điểm A38 đến A39 là 4,02m, từ điểm A39 đến A1 là 7,28m).

2. Ông Trần Văn S, bà Trần Thị T và ông Trần Văn T thống nhất phân chia di sản thừa kế như sau:

2.1. Ông Trần Văn S tự nguyện nhường quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho bà Trần Thị T.

2.2. Bà Trần Thị T được hưởng phần di sản thừa kế là: Quyền sử dụng diện tích đất 1.580m² (thửa đất số 25, tờ bản đồ địa chính số 37); trong đó: Có 80m² đất thổ cư (nằm trong diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: K184187, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556 QSDĐ/Số 1388/QĐ-UB do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 28 tháng 7 năm 1998, mang tên Đỗ Thị N) và 1.500m² đất vườn không giao. Địa chỉ đất tại: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Đỗ Thị T (có chiều dài từ điểm C5 đến điểm 2 là 4,85m).

+ Phía Đông giáp đất ông Quách Minh N (có chiều dài từ điểm 2 đến điểm 3 là 7,21m, từ điểm 3 đến điểm A3 là 2,44m, từ điểm A3 đến điểm A4 là 4,89m, từ điểm A4 đến điểm A5 là 3,1m, từ điểm A5 đến điểm A6 là 3,41m, từ điểm A6 đến điểm A7 là 4,41m, từ điểm A7 đến điểm A8 là 5,91m, từ điểm A8 đến điểm A9 là 6,35m, từ điểm A9 đến điểm A10 là 6,09m) và giáp đất ông Nguyễn Văn Q (có chiều dài từ điểm A10 đến điểm A11 là 3,82m, từ điểm A11 đến điểm A12 là 5,82m, từ điểm A12 đến điểm A13 là 4,23m, từ điểm A13 đến điểm A14 là 5,66m, từ điểm A14 đến điểm A15 là 2,32m, từ điểm A15 đến điểm A16 là 8,12m, từ điểm A16 đến điểm A17 là 6,01m, từ điểm A17 đến điểm A18 là 7,01m, từ điểm A18 đến điểm A19 là 5,62m).

- Phía Nam giáp ranh giới giải phóng mặt bằng đường trục chính đô thị - nội thị M (có chiều dài từ điểm A19 đến điểm A20 là 2,69m, từ điểm A20 đến điểm A21 là 15,79m, từ điểm A21 đến điểm C1 là 5,36m).

- Phía Tây giáp phần đất ông Trần Văn T được hưởng thừa kế (có chiều dài từ điểm C1 đến điểm C2 là 39,06m, từ điểm C2 đến điểm C3 là 20,91m, từ điểm C3 đến C4 là 5,43m, từ điểm C4 đến điểm C5 là 20,93m).

2.3. Ông Trần Văn T được hưởng phần di sản thừa kế là: Quyền sử dụng diện tích đất 1.873,8m² (thửa đất số 25, tờ bản đồ địa chính số 37), trong đó: Có 170m² đất thổ cư (nằm trong diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: K184187, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556 QSDĐ/Số 1388/QĐ-UB do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 28 tháng 7 năm 1998, mang tên Đỗ Thị N) và 1.703,8m² đất vườn không giao; Và Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 60m²; 01 bếp xây diện tích 34,5m². Địa chỉ nhà, đất tại: Tổ dân phố X, phường M, tỉnh Sơn La.

Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Đỗ Thị T (có chiều dài từ điểm C5 đến điểm 1 là 10,15m, từ điểm 1 đến điểm A2 là 12,14m) và giáp đường xóm (từ điểm A2 đến điểm A1 là 2,48m).

- Phía Đông giáp phần đất bà Trần Thị T được hưởng thừa kế (có chiều dài từ điểm C1 đến điểm C2 là 39,06m, từ điểm C2 đến điểm C3 là 20,91m, từ điểm C3 đến C4 là 5,43m, từ điểm C4 đến điểm C5 là 20,93m).

- Phía Nam giáp ranh giới giải phóng mặt bằng đường trục chính đô thị - nội thị M (có chiều dài từ điểm C1 đến điểm A22 là 20,25m).

- Phía Tây giáp đất anh Ngàn Văn Q (có chiều dài từ điểm A22 đến A23 là 3,97m, từ điểm A23 đến điểm A24 là 17,4m, từ điểm A24 đến điểm A25 là 3,15m, từ điểm A25 đến điểm A26 là 15,01m) và giáp đường xóm (có chiều dài từ điểm A26 đến A27 là 4,22m, từ điểm A27 đến điểm A28 là 6,85m, từ điểm A28 đến điểm A29 là 6,88m, từ điểm A29 đến điểm A30 là 6,83m, từ điểm A30 đến A31 là 2,21m, từ điểm A31 đến A32 là 2,78m, từ điểm A32 đến A33 là 2,82m, từ điểm A33 đến A34 là 4,42m, từ điểm A34 đến A35 là 4,33m, từ điểm A35 đến A36 là 1,74m, từ điểm A36 đến A37 là 4,54m, từ điểm A37 đến A38 là 2,1m, từ điểm A38 đến A39 là 4,02m, từ điểm A39 đến A1 là 7,28m).

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

3. Bà Trần Thị T và ông Trần Văn T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị T tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.866.000 đồng (Một triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) đã nộp đủ.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị T, ông Trần Văn T do là người cao tuổi.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6 – Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Trang